TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.N1
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2023/DS-ST
Ngày: 27/12/2023
V/v: *"Tr/ch hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ĐÀM THỊ BÍCH NGỌC**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **NGUYỄN VĂN XUÂN**
Ông **TRẦN NGỌC TÂY**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **LÊ THỊ KIỀU DIỄM –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N1*** tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ HUYỀN** – Kiểm sát viên.

Ngày 27/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2023/TLST-DS ngày 03/4/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-DS ngày 07/12/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh H.**
Địa chỉ: 84 tổ 14, H1, V1, N1, Khánh Hòa. Có mặt.
* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị P.** và ông **Cao Huy C.**
Địa chỉ: 904 đường X, V2, N1, Khánh Hòa.
Bà P., ông C. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. trình bày:*** Ngày 28/10/2021, vợ chồng bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. đến nhà bà mượn số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) mục đích để kinh doanh bất động sản. Bà P. và ông C. có viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 28/10/2021, thỏa thuận thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 2%/tháng, lãi trả hàng tháng, nhưng kể từ khi mượn tiền xong vợ chồng bà P. và ông C. không trả lãi cho bà, bà đã nhiều lần liên lạc với bà P. để yêu cầu trả tiền nhưng bà P. cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Khi vay tiền, để bảo đảm cho khoản vay vợ chồng bà P. có thế chấp cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BE786789 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp ngày 19/10/2011 đứng tên bà Nguyễn Thị P.. Tháng 02/2022, vợ chồng bà P. gặp bà và thỏa thuận giao toàn bộ ngôi nhà cấp 4 tại địa chỉ 904 đường 23/10, xã V2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa cho bà ở để làm tin chờ ngày tốt làm chuyển nhượng nhà cho bà để trừ nợ, bà có nhận nhà và ở một thời gian nhưng sau đó bà P. cho người xuống đòi nhà và bà đã trả lại nhà cho bà P.. Bà P.

và ông C. nợ tiền mà không trả nên bà yêu cầu tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị P., ông Cao Huy C. phải trả cho số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn 1,5%/tháng từ 10/2021 đến 10/2022 là 12 tháng = **540.000.000** đồng.

Về tiền lãi quá hạn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi quá hạn 0,83%/tháng từ tháng 11/2022 ngày xét xử 12/2023 là 13 tháng = **323.700.000** đồng.

Tổng số tiền gốc phải trả là 3.000.000.000đ + lãi 540.000.000đ + 323.700.000đ = **3.863.700.000** đồng.

Bà Trần Thị Thanh H. đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ BPKCTT ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo thi hành án.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án**:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H., buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 3.000.000.000đ và tiền lãi là 863.700.000 đồng, tổng là **3.863.700.000** đồng; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ BPKCTT ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" cần tiếp tục giữ nguyên để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 3.000.000.000đ và tiền lãi trong hạn 1,5%/tháng từ 10/2021 đến 10/2022 là 12 tháng = 540.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 0,83%/tháng từ tháng 11/2022 đến khi xét xử

tháng 12/2023 là 13 tháng = 323.700.000 đồng; Tổng số tiền gốc phải trả là 3.000.000.000đ + lãi trong hạn 540.000.000đ + lãi quá hạn là 323.700.000đ = **3.863.700.000** đồng.

Xét: Theo giấy mượn tiền ngày 28/10/2021 giữa nguyên đơn bà Trần Thanh H. thể hiện có đầy đủ chữ viết, chữ ký và họ tên của người vay là bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C.. Bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết nhưng trốn tránh không đến Tòa. Theo nguyên đơn trình bày và các tài liệu chứng cứ thu thập thể hiện khi vay tiền vào ngày 28/10/2021 với số tiền 3.000.000.000đ, vợ chồng bà P., ông C. thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, bà P., ông C. có thế chấp cho bà Trần Thị Thanh H. một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 786789 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp ngày 19/10/2011 đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xã V2, N1 cho bà Nguyễn Thị P.. Theo văn bản số 5904/CNNT ngày 24/5/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa – Chi nhánh N1 cung cấp thông tin hồ sơ bà Nguyễn Thị P. có đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 08/5/2014 Ủy ban nhân dân thành phố N1 có Quyết định số 1622/QĐ-UBND về việc Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 786789, số vào sổ cấp GCN CH00641/22393 do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp ngày 19/10/2011 đối với bà Nguyễn Thị P.. Cùng ngày 08/5/2014, Ủy nhân nhân dân thành phố N1 cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO784815 đối với thửa đất số 242, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xã V2, N1, tỉnh Khánh Hòa. Việc vợ chồng bà P., ông C. dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị Ủy ban nhân dân thành phố N1 hủy vào năm 2014 để thế chấp và tạo lòng tin với bà H. nhằm mục đích để bà H. cho mượn 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) ngày 28/10/2021 là có hành vi gian dối trong thực hiện giao dịch dân sự nhưng bà P. vẫn là chủ sở hữu đối với tài sản trên và tại thời điểm xác minh, thửa đất trên không thực hiện các giao dịch chuyển nhượng, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố cho cá nhân, đơn vị nào nên thẩm quyền giải quyết vẫn thuộc Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp để tống đạt, thông báo cho bà P. và ông C. nhưng bà P., ông C. vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc vay và trả tiền cho bà H.. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi và lãi suất chậm trả của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. phải trả lãi là hoàn toàn có căn cứ pháp luật nên chấp nhận, cụ thể như sau:

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn 1,5%/tháng từ 10/2021 đến 10/2022 là 12 tháng = **540.000.000** đồng.

Về tiền lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả là 0,83%/tháng từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2023 là 13 tháng = **323.700.000** đồng.

Tổng số tiền gốc phải trả là 3.000.000.000đ + lãi trong hạn là 540.000.000đ + lãi chậm trả là 323.700.000đ = **3.863.700.000** đồng.

[3]. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ BPKCTT ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1 về việc: "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Cụ thể: Phong tỏa tài sản là: Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 23, diện tích 184,0m^2, tại địa chỉ: xã V2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO784815, số vào sổ cấp GCN: CH 02907/22393, do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp cho bà Nguyễn Thị P. ngày 08/5/2014, cần tiếp tục giữ nguyên để đảm bảo thi hành án.

Việc khiếu nại, kiến nghị thay đổi, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại các Điều 137, 138, 140, 141 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 109.274.000đ (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. số tiền 53.650.000đ (Năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0011282 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Thanh H.** về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị P.** và ông **Cao Huy C.**.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. tổng số tiền là **3.863.700.000** đồng (trong đó nợ gốc là 3.000.000.000đ + lãi trong hạn là 540.000.000đ + lãi chậm trả là 323.700.000đ).

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị P. và ông Cao Huy C. phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 109.274.000đ (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H. số tiền 53.650.000đ (Năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0011282 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N1.

3. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2023/QĐ BPKCTT ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố N1 về việc: "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: Phong tỏa tài sản là: Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 23, diện tích 184,0m^2, tại địa chỉ: xã V2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO784815, số vào sổ cấp GCN: CH 02907/22393, do Ủy ban nhân dân thành phố N1 cấp cho bà Nguyễn Thị P. ngày 08/5/2014, cần tiếp tục giữ nguyên để đảm bảo thi hành án.

Việc khiếu nại, kiến nghị thay đổi, hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại các Điều 137, 138, 140, 141 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đàm Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát ND Tp. N1;
- Chi cục THADS Tp. N1;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.